

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

Công ty Thành viên của Reanda International

Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.

Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 321B-C Đào Duy Anh, P.9, Q. Phú Nhuận, HCM.

Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90

Email: info@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com



Mang tri thức phục vụ khách hàng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
(**VIETVALUES**)

Công ty Thành viên của Reanda International

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán	06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	07 - 08
4. Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	11 - 36



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán của Công ty.

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành (tên giao dịch là: Ben Thanh Services Joint Stock Company) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 3127/QĐ-UB ngày 16 tháng 07 năm 2007 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305246978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 04 tháng 10 năm 2007 và đã đăng ký thay đổi lần 10 ngày 20 tháng 04 năm 2012.

Vốn điều lệ : 31.507.470.000 đồng.

Công ty hiện nay đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 05 tháng 01 năm 2011 theo Quyết định số 804/QĐ-SGDHN ngày 03 tháng 11 năm 2010 và Thông báo số 1137/TB-SGDHN ngày 20 tháng 12 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Mã chứng khoán : BSC

2. Trữ sở hoạt động

2.1 Trữ sở chính hoạt động

Địa chỉ : 45/4 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : +84 (8) – 3920 8804

Fax : +84 (8) – 3920 8794

Mã số thuế : 0 3 0 5 2 4 6 9 7 8

2.2 Các đơn vị trực thuộc

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành tại Bình Dương
Địa chỉ: Ấp Chiêu Liêu, xã Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An, Bình Dương;
- Trung tâm Dịch vụ Kho Vận
Địa chỉ: 504 Nguyễn Tất Thành, phường 18, quận 4, Tp. HCM;
- Trung tâm Dịch vụ Bến Thành.
Địa chỉ: 50/12 Bến Chương Dương, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Tp.HCM;
- Trung tâm kinh doanh Nhà hàng và Khách sạn Đakao
Địa chỉ: 26 Nguyễn Văn Thủ, phường Đakao, quận 1, Tp. HCM;
- Nhà hàng Bến Thành
Địa chỉ: 21-23-25-27 Tôn Thất Hiệp, phường Bến Nghé, quận 1, Tp. HCM.



3. Ngành nghề hoạt động

- Mua bán các mặt hàng gia dụng, lương thực, thực phẩm, lâm thủy hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiểu thủ công nghiệp, máy móc thiết bị phụ tùng vật tư ngành công nông nghiệp, hóa chất, nguyên vật liệu ngành xây dựng, hàng trang trí nội thất, hương liệu, hoa tươi, hoa khô, hoa nhựa, nữ trang vàng, bạc, đá quý, văn hóa phẩm (trừ băng đĩa nhạc, hình), văn phòng phẩm, quần áo, giày dép, mỹ phẩm, hóa mỹ phẩm, rượu bia, nước giải khát;
- Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống;
- Kinh doanh khu vui chơi giải trí (không kinh doanh khách sạn, nhà hàng, khu vui chơi tại trụ sở công ty);
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, bằng đường thủy nội địa;
- Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, theo hợp đồng;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa;
- Cho thuê văn phòng, căn hộ, kho bãi;
- Kinh doanh dịch vụ quảng cáo thương mại;
- Dịch vụ quản lý bất động sản;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh cảng biển, khu công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản (trừ định giá bất động sản);
- Tư vấn xây dựng (trừ thiết kế công trình, khảo sát xây dựng, giám sát thi công).
- Xây dựng công trình dân dụng vào công nghiệp;
- Mua bán, sửa chữa, bảo hành đồng hồ, điện thoại, xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng, thiết bị ngoại vi và linh kiện, hàng kim khí điện máy, hàng điện tử, thiết bị viễn thông;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Dịch vụ photocopy;
- Đại lý bảo hiểm;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản;
- Sàn giao dịch bất động sản;
- Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Điều hành tour du lịch;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Bán lẻ máy vi tính, phần mềm;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi (trừ gia công cơ khí, xi mạ điện);
- Đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo.

4. Hội đồng quản trị và Ban Điều hành

4.1 Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Phú Quốc	Chủ tịch
Ông Lê Hải Đăng	Thành viên
Ông Huỳnh Ngọc Định	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Miên	Thành viên
Ông Nguyễn Thi Giang	Thành viên

4.2 Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Việt Hoà	Trưởng ban
Bà Tôn Thị Nga	Thành viên
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên

4.3 Ban Điều hành

Ban Tổng Giám đốc của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lê Hải Đăng	Tổng Giám đốc
Ông Trương Quang Thống	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thi Giang	Phó Tổng Giám đốc
Bà Võ Thúy Hạnh	Kế toán trưởng

5. Đánh giá tình hình kinh doanh

- Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 36.

- Trong năm, công ty đã chuyển nhượng 17.500 cổ phần của công ty con là Công ty Cổ phần Xe Máy Bến Thành, nên không còn nắm được cổ phần chi phối. Tỷ lệ vốn thực góp còn lại là 48%, do đó Công ty Cổ phần Xe Máy Bến Thành trở thành công ty liên kết.

6. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 45/4 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

7. Xác nhận của Hội đồng quản trị

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cho rằng không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính của Công ty. Không một thành viên nào của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc có bất cứ khoản lợi nào từ một hợp đồng được ký kết với các Công ty hay các bên liên quan.

8. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, các thành viên của Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2013.

TM. Hội đồng quản trị

PHẠM PHÚ QUỐC

Chủ tịch





Số: 2074/13/BCKT/AUD.VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 bao gồm Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được lập ngày 14 tháng 03 năm 2013 (từ trang 07 đến trang 36) của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành (sau đây gọi tắt là “Công ty”).

Việc lập và trình bày số liệu trên Báo cáo tài chính thuộc về Ban Điều hành Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là trình bày ý kiến của mình về Báo cáo tài chính dựa trên công việc kiểm toán.

Cơ sở kiểm toán

Chúng tôi thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và tiến hành công việc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Điều hành cũng như cách trình bày tổng thể báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành, được lập phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo kiểm toán rằng, phạm vi của báo cáo tài chính này chỉ phản ánh tình hình tài chính và các khoản đầu tư theo phương pháp giá gốc của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả kinh doanh cho năm tài chính 2012. Việc hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành công ty liên kết không thuộc phạm vi của báo cáo này.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2013

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES**



Ths. Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: 1512/KTV
Chữ ký được ủy quyền

Đào Vũ Thiên Long - Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 1739/KTV

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

DVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		16.538.573.711	15.838.511.557
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5.1	7.255.501.889	9.689.513.489
111	1. Tiền		7.255.501.889	4.689.513.489
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	5.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		4.450.000.000	3.100.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn	5.2	4.450.000.000	3.100.000.000
129	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		3.680.730.674	1.457.338.998
131	1. Phải thu của khách hàng	5.3	1.796.895.135	989.175.339
132	2. Trả trước cho người bán		33.000.000	53.500.000
138	3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5.4	2.541.145.565	970.517.888
139	4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	5.5	(690.310.026)	(555.854.229)
140	IV. Hàng tồn kho	5.6	200.343.496	171.012.409
141	1. Hàng tồn kho		200.343.496	171.012.409
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		951.997.652	1.420.646.661
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	5.7	79.737.545	133.397.095
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	34.863.969
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	5.8	872.260.107	1.252.385.597
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		27.299.303.531	27.845.407.533
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		15.000.000	15.000.000
218	1. Phải thu dài hạn khác		15.000.000	15.000.000
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-
220	II. Tài sản cố định		16.115.813.479	16.976.290.390
221	1. Tài sản cố định hữu hình	5.9	1.584.371.846	2.444.848.757
222	- Nguyên giá		7.318.976.644	7.408.976.644
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.734.604.798)	(4.964.127.887)
227	2. Tài sản cố định vô hình	5.10	-	-
228	- Nguyên giá		97.200.000	97.200.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(97.200.000)	(97.200.000)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5.11	14.531.441.633	14.531.441.633
240	III. Bất động sản đầu tư	5.12	2.337.038.144	2.438.741.912
241	- Nguyên giá		3.799.189.568	3.799.189.568
242	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.462.151.424)	(1.360.447.656)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	5.13	7.671.041.847	7.370.750.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	1.375.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		5.050.000.000	2.500.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		3.099.000.000	3.827.000.000
259	4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)		(477.958.153)	(331.250.000)
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.160.410.061	1.044.625.231
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	5.14	917.659.955	952.244.577
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	5.15	242.750.106	92.380.654
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		43.837.877.242	43.683.919.090

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 45/4 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	A- NỢ PHẢI TRẢ		8.098.293.628	7.624.530.795
310	I. Nợ ngắn hạn		4.867.678.119	4.612.692.525
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	5.16	36.173.651	159.164.004
312	2. Phải trả người bán		-	-
313	3. Người mua trả tiền trước		-	29.712.100
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.17	884.009.841	1.343.645.850
315	5. Phải trả người lao động		1.478.871.333	1.393.017.500
316	6. Chi phí phải trả	5.18	1.387.143.465	527.889.452
317	7. Phải trả nội bộ		-	-
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	5.19	965.498.802	1.105.153.137
323	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		115.981.027	54.110.482
330	II. Nợ dài hạn		3.230.615.509	3.011.838.270
333	1. Phải trả dài hạn khác	5.20	3.228.524.600	2.990.134.075
334	2. Vay và nợ dài hạn		-	21.704.195
336	3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	-
338	4. Doanh thu chưa thực hiện		2.090.909	-
400	B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		35.739.583.614	36.059.388.295
410	I. Vốn chủ sở hữu	5.21	35.739.583.614	36.059.388.295
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		31.507.470.000	31.507.470.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
416	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		420.380.003	218.249.710
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		493.193.013	291.062.720
419	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.318.540.598	4.042.605.865
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
432	1. Nguồn kinh phí		-	-
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		43.837.877.242	43.683.919.090

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
2. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
3. Ngoại tệ các loại (USD)	5.1.2	31.165,23	31.115,13

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2013.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

NGUYỄN THỊ THANH VÂN

VÔ THÚY HẠNH

LÊ HAI ĐĂNG



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 45/4 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		29.607.605.478	33.540.754.934
03	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.1	29.607.605.478	33.540.754.934
11	4. Giá vốn hàng bán	6.2	14.936.629.217	16.312.876.882
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		14.670.976.261	17.227.878.052
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	6.3	1.396.651.120	1.302.627.904
22	7. Chi phí tài chính	6.4	494.991.605	295.389.149
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		12.214.436	23.954.183
24	8. Chi phí bán hàng	6.5	4.057.603.213	3.964.186.816
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.6	8.686.038.877	8.613.463.177
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.828.993.686	5.657.466.814
31	11. Thu nhập khác	6.7	3.968.771.806	2.078.770.218
32	12. Chi phí khác	6.8	2.596.887.789	2.792.341.640
40	13. Lợi nhuận khác		1.371.884.017	(713.571.422)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.200.877.703	4.943.895.392
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.9	1.032.706.557	993.670.181
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	6.10	(150.369.452)	(92.380.654)
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		3.318.540.598	4.042.605.865
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.11	1.053	1.337

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2013.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

NGUYỄN THỊ THANH VÂN

VÕ THÚY HẠNH

LÊ HẢI ĐĂNG



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		4.200.877.703	4.943.895.392
	2. Điều chỉnh các khoản		(162.902.328)	144.806.787
02	- Khấu hao tài sản cố định		872.180.679	1.057.254.890
03	- Các khoản dự phòng		281.163.950	145.102.700
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		2.390.544	(71.409.925)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.330.851.937)	(1.010.095.061)
06	- Chi phí lãi vay		12.214.436	23.954.183
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		4.037.975.375	5.088.702.179
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(2.093.227.466)	717.923.987
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(29.331.087)	303.534.221
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		1.085.271.688	322.050.295
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		88.244.172	918.046.945
13	- Tiền lãi vay đã trả		(12.214.436)	(23.954.183)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.417.247.956)	(154.032.150)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
16	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(425.727.734)	(288.149.914)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.233.742.556	6.884.121.380
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		90.000.000	(282.163.636)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	109.060.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.350.000.000)	(8.150.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	10.050.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(2.550.000.000)	83.840.388
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.103.000.000	924.876.061
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.330.851.937	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(376.148.063)	2.735.612.813
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	1.507.470.000
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(144.694.548)	(144.694.548)
35	5. Tiền trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.144.337.000)	(2.994.589.972)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(3.289.031.548)	(1.631.814.520)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(2.431.437.056)	7.987.919.673
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		9.689.513.489	1.630.183.891
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(2.574.544)	71.409.925
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5.1	7.255.501.889	9.689.513.489

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2013.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

NGUYỄN THỊ THANH VÂN

VÕ THÚY HẠNH

LÊ HẢI ĐĂNG

Bảo cáo này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ, thương mại.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

- Mua bán các mặt hàng gia dụng, lương thực, thực phẩm, lâm thủy hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu thủ công nghiệp, máy móc thiết bị phụ tùng vật tư ngành công nông nghiệp, hóa chất, nguyên vật liệu ngành xây dựng, hàng trang trí nội thất, hương liệu, hoa tươi, hoa khô, hoa nhựa, nữ trang vàng, bạc, đá quý, văn hóa phẩm (trừ băng đĩa nhạc, hình), văn phòng phẩm, quần áo, giày dép, mỹ phẩm, hóa mỹ phẩm, rượu bia, nước giải khát;
- Kinh doanh lẻ hành nội địa, quốc tế;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống;
- Kinh doanh khu vui chơi giải trí (không kinh doanh khách sạn, nhà hàng, khu vui chơi tại trụ sở công ty);
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, bằng đường thủy nội địa;
- Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, theo hợp đồng;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa;
- Cho thuê văn phòng, căn hộ, kho bãi;
- Kinh doanh dịch vụ quảng cáo thương mại;
- Dịch vụ quản lý bất động sản;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh cảng biển, khu công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản (trừ định giá bất động sản);
- Tư vấn xây dựng (trừ thiết kế công trình, khảo sát xây dựng, giám sát thi công).
- Xây dựng công trình dân dụng vào công nghiệp;
- Mua bán, sửa chữa, bảo hành đồng hồ, điện thoại, xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng, thiết bị ngoại vi và linh kiện, hàng kim khí điện máy, hàng điện tử, thiết bị viễn thông;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Dịch vụ photocopy;
- Đại lý bảo hiểm;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản;
- Sàn giao dịch bất động sản;
- Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 45/4 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

- Điều hành tour du lịch;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Bán lẻ máy vi tính, phần mềm;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi (trừ gia công cơ khí, xi mạ điện);
- Đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VNĐ).

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: được áp dụng theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào cuối kỳ kế toán các số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển có gốc ngoại tệ được điều chỉnh lại theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được xử lý theo Chuẩn mực kế toán số 10 – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái, ban hành theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002.

Tỷ giá hạch toán ngày 31 tháng 12 năm 2012 là: 20.828 VNĐ/USD.

3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006; thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung 15/2006/QĐ-BTC và các thông tư, hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

3.2 Cam kết kế toán

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành cam kết tuân thủ đúng Luật kế toán, Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành trong hệ thống kế toán và báo cáo kế toán do Nhà nước Việt Nam quy định.

3.3 Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại, phải thu khác

- Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.
- Dự phòng phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:
 - + Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
 - + Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4.3 Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: theo nguyên tắc giá gốc;
- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền;
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên;
- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: vào thời điểm khóa sổ Công ty tổ chức đánh giá lại hàng tồn kho và trích lập trên cơ sở chênh lệch lớn hơn của giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

4.4 Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

▪ Nguyên tắc đánh giá:

Tài sản cố định được xác định theo nguyên giá trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được tính vào giá trị tài sản cố định và những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi tài sản bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi/(lỗ) nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh.

▪ Phương pháp khấu hao áp dụng:

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

▪ **Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:**

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 20 năm
+ Máy móc thiết bị	03 – 07 năm
+ Phương tiện vận tải	03 – 08 năm
+ Thiết bị và dụng cụ quản lý	03 – 04 năm
+ Tài sản cố định khác	03 – 05 năm
+ Phần mềm kế toán	05 năm

4.5 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá.
- Khấu hao bất động sản đầu tư theo phương pháp đường thẳng.

4.6 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: được ghi nhận theo giá gốc.

4.7 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

- Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.
- Chi phí đi vay được vốn hóa khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai cho việc sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay được xác định một cách đáng tin cậy.
- Chi phí trả trước: căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính mà tài sản đó mang lại lợi ích kinh tế.

4.8 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

- Chi phí trả trước: chủ yếu là những chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng văn phòng, chi phí sửa chữa tài sản cố định được phân bổ dần vào chi phí kết quả kinh doanh trong kỳ, và thời gian phân bổ căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính mà tài sản đó mang lại lợi ích kinh tế.
- Phương pháp phân bổ: Theo phương pháp đường thẳng.

4.9 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận chủ yếu là các khoản doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ phải trả và được ước tính đáng tin cậy.

4.10 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: là số vốn thực góp của chủ sở hữu;
- Thặng dư vốn cổ phần: là số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ;
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của năm trước;
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Theo điều lệ Công ty.

4.11 Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

4.12 Doanh thu và chi phí

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; và xác định được phần công việc đã hoàn thành ;
 - Không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ;
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.
- Doanh thu tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn:
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Chi phí thực tế phát sinh được ghi nhận phù hợp với doanh thu và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

4.13 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không có bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

- **Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế

toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

▪ **Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép

lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

4.15 Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

4.16 Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn

chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

4.17 Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.18 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.19 Nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước Việt Nam:

- Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 25% thu nhập chịu thuế.

Năm 2012, Công ty được hưởng ưu đãi về thuế TNDN theo Nghị định 60/2012/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 30 tháng 07 năm 2012 và Thông tư 140/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 21 tháng 08 năm 2012: giảm 30% thuế TNDN năm 2012 (do Công ty thỏa điều kiện doanh nghiệp vừa và nhỏ theo Điều 3, Nghị định 56/2009/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 30 tháng 06 năm 2009).

- Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

4.20 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Mã số	Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
5.1.1	Tiền mặt	43.873.000	107.833.521
5.1.2	Tiền gửi ngân hàng	7.211.628.889	4.581.679.968
5.1.3	Các khoản tương đương tiền	-	5.000.000.000
Tổng cộng		7.255.501.889	9.689.513.489

5.1.2 Tiền gửi ngân hàng

Chi tiết số dư ngân hàng gồm:

STT	Ngân hàng	Cuối năm		Đầu năm	
		Ngoại tệ USD	Tương đương VND	Ngoại tệ USD	Tương đương VND
1	Ngân hàng TMCP Phương Đông	-	6.183.026.747	-	2.585.570.660
2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	379.742.054	-	1.348.043.381
3	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	31.165,23	648.860.088	31.115,13	648.065.927
Cộng		31,165.23	7.211.628.889	31,115.13	4.581.679.968

5.2 Đầu tư ngắn hạn

Là khoản tiền cho Công ty Cổ phần Xe máy Bến Thành vay theo hợp đồng ký ngày 13/07/2011, phụ lục hợp đồng số 1 ngày 19/01/2012 và phụ lục hợp đồng số 2 ngày 16/07/2012.

5.3 Phải thu của khách hàng

Chi tiết gồm:

	Cuối năm	Đầu năm
- Công ty TNHH Điện Máy HAIER Việt Nam	464.932.600	-
- Công ty Cổ Phần Xe máy Bến Thành	73.089.996	198.000.000
- Công ty TNHH Đông Nam	165.400.000	82.700.000
- Cty TNHH An Thịnh Phát	101.951.820	56.225.006
- CN Cty TNHH Quản lý nợ & KTTS - NH TMCP Quân Đội	383.592.000	384.148.140
- Các đối tượng khác	607.928.719	268.102.193
Cộng	1.796.895.135	989.175.339

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 45/4 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

5.4 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Dự án 504 Nguyễn Tất Thành	732.566.805	596.492.959
- Dự án 21-23-27 Tôn Thất Thiệp	257.607.750	257.607.750
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tiến Công	396.340.000	-
- Công ty Xây dựng Giao thông Sài Gòn	674.979.600	-
- Các đối tượng khác	479.651.410	116.417.179
Cộng	2.541.145.565	970.517.888

5.5 Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Dự án 504 Nguyễn Tất Thành	366.283.402	298.246.479
- Dự án 21-23-27 Tôn Thất Thiệp	324.026.624	257.607.750
- Nguyễn Hoàng Diệu	66.418.874	-
Cộng	690.310.026	555.854.229

5.6 Hàng tồn kho

Mã số	Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
5.6.1	Nguyên liệu, vật liệu	-	-
5.6.2	Công cụ, dụng cụ	-	-
5.6.3	Hàng hóa	200.343.496	171.012.409
5.6.4	Hàng gửi đi bán	-	-
5.6.5	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho		200.343.496	171.012.409

5.6.3 Hàng hóa

Chủ yếu là rượu, bia, nước giải khát tồn kho.

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn

Chủ yếu là chi phí quảng cáo và chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ.

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	133.397.095	173.853.316
Phát sinh tăng trong năm	194.787.251	889.266.946
Phân bổ trong năm	(248.446.801)	(929.723.167)
Số dư cuối năm	79.737.545	133.397.095

5.8 Tài sản ngắn hạn khác

Mã số	Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
5.8.1	Tạm ứng	708.260.107	1.088.385.597
5.8.2	Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	164.000.000	164.000.000
Tổng cộng		872.260.107	1.252.385.597

5.8.1 Tạm ứng

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Nguyễn Đức Hùng	474.344.402	250.626.000
- Đặng Nguyễn Nhật Minh	164.248.076	280.200.000
- Các đối tượng khác	69.667.629	557.559.597
Cộng	708.260.107	1.088.385.597

5.9 Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình như sau:

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	2.098.253.088	302.103.524	4.398.411.789	610.208.243	7.408.976.644
2. Tăng trong năm	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	90.000.000	-	90.000.000
4. Số dư cuối năm	2.098.253.088	302.103.524	4.308.411.789	610.208.243	7.318.976.644
II. Giá trị hao mòn					
1. Số dư đầu năm	1.516.254.365	104.428.092	2.996.984.813	346.460.617	4.964.127.887
2. Tăng trong năm	179.172.372	38.344.860	542.951.965	100.007.714	860.476.911
- Khấu hao trong năm	179.172.372	38.344.860	542.951.965	100.007.714	860.476.911
3. Giảm trong năm	-	-	90.000.000	-	90.000.000
4. Số dư cuối năm	1.695.426.737	142.772.952	3.449.936.778	446.468.331	5.734.604.798
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	581.998.723	197.675.432	1.401.426.976	263.747.626	2.444.848.757
2. Tại ngày cuối năm	402.826.351	159.330.572	858.475.011	163.739.912	1.584.371.846

Trong đó: nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.276.050.858 đồng.

5.10 Tài sản cố định vô hình

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình như sau:

Chỉ tiêu	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu năm	97.200.000	97.200.000
2. Tăng trong năm	-	-
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối kỳ	97.200.000	97.200.000
II. Giá trị hao mòn		
1. Số dư đầu năm	97.200.000	97.200.000
2. Tăng trong năm	-	-
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	97.200.000	97.200.000
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu năm	-	-
2. Tại ngày cuối năm	-	-

Trong đó: nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 97.200.000 đồng.

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí phát sinh cho xây dựng công trình cao ốc 136-137 Bến Chương Dương, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

5.12 Bất động sản đầu tư

Chi tiết tình hình tăng giảm bất động sản đầu tư như sau:

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu năm	3.799.189.568	3.799.189.568
2. Tăng trong năm	-	-
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	3.799.189.568	3.799.189.568
II. Giá trị hao mòn		
1. Số dư đầu năm	1.360.447.656	1.360.447.656
2. Tăng trong năm	101.703.768	101.703.768
- Khấu hao trong năm	101.703.768	101.703.768
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	1.462.151.424	1.462.151.424
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu năm	2.438.741.912	2.438.741.912
2. Tại ngày cuối năm	2.337.038.144	2.337.038.144

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 45/4 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

5.13 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Mã số	Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
5.13.1	Đầu tư vào công ty con	-	1.375.000.000
5.13.2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	5.050.000.000	2.500.000.000
5.13.3	Đầu tư dài hạn khác	3.099.000.000	3.827.000.000
5.13.4	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	(477.958.153)	(331.250.000)
Tổng cộng		7.671.041.847	7.370.750.000

5.13.2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Công ty Cổ phần ĐT - PT Dự án Bến Thành Việt ⁽¹⁾	2.100.000.000	2.100.000.000
- Công ty TNHH Bến Thành Nam Á ⁽²⁾	1.350.000.000	-
- Công ty Cổ phần Xe Máy Bến Thành ⁽³⁾	1.200.000.000	-
- Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành ⁽⁴⁾	400.000.000	400.000.000
Cộng	5.050.000.000	2.500.000.000

(1) Khoản đầu tư hợp tác thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Dự án Bến Thành Việt theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 01/BTSC-VCR giữa ba bên là Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành, Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc Việt và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hồng Phúc, tỷ lệ góp vốn 35,00% vốn điều lệ, tỷ lệ vốn thực góp 21,00% (tương đương 2.100.000.000 đồng). Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Dự án Bến Thành Việt hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310568699 vào ngày 10 tháng 01 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM cấp với vốn điều lệ là 10.000.000.000 đồng.

(2) Là khoản đầu tư hợp tác kinh doanh kinh doanh nhà hàng theo HĐ 01/NA-HTKD-2012 giữa Công ty Cổ phần XNK Giày dép Nam Á (30%), Công ty Cổ phần Văn Hóa Tổng Hợp Bến Thành (30%), Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành (30%) tương đương 1.350.000.000 đồng và DNTN Nhà Hàng Dìn Ký (10%), thành lập pháp nhân mới là Công ty TNHH Bến Thành - Nam Á. Công ty TNHH Bến Thành - Nam Á hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0311941803 cấp ngày 23 tháng 8 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM.

(3) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xe máy Bến Thành, tỷ lệ góp vốn 48,00% vốn điều lệ, tỷ lệ vốn thực góp 48,00% (tương đương 1.200.000.000 đồng). Công ty Cổ phần Xe máy Bến Thành hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310092385 ngày 28 tháng 06 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM cấp với vốn điều lệ là 2.500.000.000 đồng.

(4) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành, tỷ lệ góp vốn 50,00% vốn điều lệ, tỷ lệ thực góp 26,67% (tương đương 400.000.000 đồng). Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310074516 ngày 21/06/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM cấp với vốn điều lệ là 1.500.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 45/4 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

5.13.3 Đầu tư dài hạn khác

Chi tiết như sau:

Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu theo giấy phép	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Giá trị
- Công ty Cổ phần Thương mại Cần Thơ	10,00%	70.000	1.599.000.000
- Công ty Cổ phần Giao dịch Bất động sản Bến Thành	6,00%	150.000	1.500.000.000
Cộng			3.099.000.000

5.13.4 Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn

Là khoản lập dự phòng đầu tư vào Công ty Cổ phần Xe máy Bến Thành.

5.14 Chi phí trả trước dài hạn

Chủ yếu là chi phí sửa chữa tài sản cố định chờ phân bổ.

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	952.244.577	1.829.835.301
Phát sinh tăng trong năm	926.858.000	333.867.016
Phân bổ trong năm	(961.442.622)	(1.211.457.740)
Số dư cuối năm	917.659.955	952.244.577

5.15 Tài sản thuế hoãn lại

Các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	Số tiền	Thuế suất thuế TNDN	Tài sản thuế TNDN hoãn lại
Chi phí thuê đất và chi phí khác trích trước	1.387.143.465	25%*70%	242.750.106
Cộng			242.750.106

5.16 Vay và nợ ngắn hạn

Là khoản nợ dài hạn đến hạn trả cho Công ty Quản lý và Kinh doanh Chợ Bình Điền về hợp đồng sử dụng địa điểm kinh doanh tại chợ đầu mối nông sản thực phẩm Bình Điền trong thời hạn 50 năm. Thời hạn thanh toán tiền thuê là 7 năm, từ tháng 4 năm 2006 đến tháng 4 năm 2013 và lãi suất trả chậm là 0,7%/tháng.

5.17 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết gồm:

	Cuối năm	Đầu năm
- Thuế GTGT phải nộp	63.868.950	128.576.463
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	809.189.291	1.193.730.690
- Thuế thu nhập cá nhân	10.951.600	21.338.697
Cộng	884.009.841	1.343.645.850

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 45/4 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

5.18 Chi phí phải trả

Chủ yếu là các khoản trích trước tiền thuê đất và thuế đất.

5.19 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Chủ yếu là khoản lãi phải trả cổ tức cho cổ đông .

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Kinh phí công đoàn	38.799.412	44.446.716
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.560.000	2.560.000
- Cổ tức phải trả cho cổ đông	9.327.930	8.181.886
- Lợi nhuận chia cho Tổng Công ty Bến Thành	660.000.000	660.000.000
- Trả tiền thuê nhà 26 Nguyễn Văn Thủ	137.999.999	250.909.090
- Các khoản khác	116.811.461	139.055.445
Cộng	965.498.802	1.105.153.137

5.20 Phải trả dài hạn khác

Là các khoản tiền ký quỹ của khách hàng.

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tiến Công	1.124.000.000	1.124.000.000
- Công ty Quản lý nợ Khai thác Tài sản Ngân hàng Quân đội	549.859.200	549.859.200
- Công ty TNHH Nhà hàng Lá Cuốn	312.300.000	312.420.000
- Công ty TNHH Vận tải Quang Hưng	210.000.000	-
- Các đối tượng khác	1.032.365.400	1.003.854.875
Cộng	3.228.524.600	2.990.134.075

5.21 Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (*)	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối (**)	Tổng cộng
A	1	2	3	4	5	6
Số dư đầu năm trước	30.000.000.000	20.143.767	218.249.710	218.249.710	3.414.236.678	33.870.879.865
- Tăng trong năm trước	1.507.470.000	-	-	72.813.010	4.042.605.865	5.622.888.875
- Giảm trong năm trước	-	20.143.767	-	-	3.414.236.678	3.434.380.445
Số dư cuối năm trước, số dư đầu năm nay	31.507.470.000	-	218.249.710	291.062.720	4.042.605.865	36.059.388.295
- Tăng trong năm nay	-	-	202.130.293	202.130.293	3.318.540.598	3.722.801.184
+ Tăng từ kết quả hoạt động kinh doanh năm nay	-	-	-	-	3.318.540.598	3.318.540.598
+ Tăng từ lãi trong năm trước	-	-	202.130.293	202.130.293	-	404.260.586
- Giảm trong năm nay	-	-	-	-	4.042.605.865	4.042.605.865
Số dư cuối năm nay	31.507.470.000	-	420.380.003	493.193.013	3.318.540.598	35.739.583.614

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 45/4 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(*) Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ (%)	Cuối năm	Đầu năm
- Cổ đông nhà nước	47,11	14.844.200.000	14.844.200.000
- Cổ đông khác	52,89	16.663.270.000	16.663.270.000
Cộng	100,00	31.507.470.000	31.507.470.000

▪ Cổ phiếu	Cuối năm	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.150.747	3.150.747
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.150.747	3.150.747
+ Cổ phiếu phổ thông	3.150.747	3.150.747
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.150.747	3.150.747
+ Cổ phiếu phổ thông	3.150.747	3.150.747
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/1 cổ phiếu)	10.000	10.000

() Chi tiết lợi nhuận chưa phân phối gồm**

Số dư đầu năm	4.042.605.865
Tăng từ kết quả kinh doanh trong năm	3.318.540.598
Giảm trong năm	4.042.605.865
Chi tiết gồm:	
- Trích Quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2011	202.130.293
- Trích Quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận năm 2011	202.130.293
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2011	487.598.279
- Chi trả cổ tức năm 2011	3.150.747.000
Số dư tại ngày 31/12/2012	3.318.540.598

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)

6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hóa	509.935.433	411.294.732
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	26.133.235.137	30.301.793.294
- Doanh thu cho thuê mặt bằng	2.964.434.908	2.827.666.908
Cộng	29.607.605.478	33.540.754.934

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 45/4 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

6.2 Giá vốn hàng bán

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn bán hàng hóa	382.504.180	304.075.047
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	14.451.189.907	15.907.098.067
- Giá vốn cho thuê mặt bằng	102.935.130	101.703.768
Cộng	14.936.629.217	16.312.876.882

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng	820.169.540	846.543.448
- Cổ tức lợi nhuận được chia	242.452.738	195.024.412
- Lãi cho vay	333.844.842	189.650.119
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	184.000	71.409.925
Cộng	1.396.651.120	1.302.627.904

6.4 Chi phí tài chính

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Dự phòng đầu tư tài chính	477.958.153	123.740.891
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	248.944	147.694.075
- Lãi vay	12.214.436	23.954.183
- Chi phí tài chính khác	4.570.072	-
Cộng	494.991.605	295.389.149

6.5 Chi phí bán hàng

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	1.826.821.247	1.920.886.278
- Chi phí vật liệu, công cụ quản lý	73.756.948	130.229.229
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.344.860	38.344.860
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	925.397.813	922.519.938
- Các chi phí bằng tiền khác	1.193.282.345	952.206.511
Cộng	4.057.603.213	3.964.186.816

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 45/4 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	4.915.607.298	4.793.522.078
- Chi phí vật liệu, công cụ quản lý	130.379.225	78.152.631
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	250.654.230	272.887.798
- Thuế, phí và lệ phí	639.263.636	395.341.600
- Chi phí dự phòng	134.455.797	75.102.700
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.307.442.421	1.981.780.238
- Các chi phí bằng tiền khác	1.308.236.270	1.016.676.132
Cộng	8.686.038.877	8.613.463.177

6.7 Thu nhập khác

Chủ yếu là khoản lợi nhuận được chia từ hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư Tiên Công.

6.8 Chi phí khác

Chủ yếu là khoản chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh với Tổng Công ty Bến Thành.

6.9 Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Hoạt động chính	Hoạt động khác	Tổng cộng
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.672.707.886	2.528.169.817	4.200.877.703
Các khoản điều chỉnh tăng khi xác định lợi nhuận chịu thuế	1.387.143.465	-	1.387.143.465
- <i>Chi phí trích trước</i>	<i>1.387.143.465</i>	-	<i>1.387.143.465</i>
Các khoản điều chỉnh giảm	770.342.190	-	770.342.190
- <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>242.452.738</i>	-	<i>242.452.738</i>
- <i>Hoàn nhập chi phí trích trước</i>	<i>527.889.452</i>	-	<i>527.889.452</i>
Tổng thu nhập chịu thuế	2.289.509.161	2.528.169.817	4.817.678.978
Thuế TNDN phải nộp năm nay (thuế suất 25%)	572.377.290	632.042.454	1.204.419.745
Thuế TNDN năm nay được giảm (30%) (*)	171.713.187	-	171.713.187
Thuế TNDN phải nộp năm nay	400.664.103	632.042.454	1.032.706.557

(*) Năm 2012, Công ty được hưởng ưu đãi về thuế TNDN theo Nghị định 60/2012/NĐ-CP do Chính Phủ ban hành ngày 30 tháng 07 năm 2012 và Thông tư 140/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 21 tháng 08 năm 2012: giảm 30% thuế TNDN năm 2012 (do Công ty thỏa điều kiện doanh nghiệp vừa và nhỏ theo Điều 3, Nghị định 56/2009/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 30 tháng 06 năm 2009).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BỀN THÀNH

Địa chỉ: 45/4 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế: -

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ:

150.369.452

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng: -

Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:**150.369.452****6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.318.540.598	4.042.605.865
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông :	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.318.540.598	4.042.605.865
- Số lượng Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.150.747	3.022.612
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/Cổ phiếu)	1.053	1.337

6.12 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	800.105.312	993.017.270
- Chi phí nhân công	9.800.312.137	7.467.060.549
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	872.180.679	1.057.254.890
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.242.239.251	7.787.449.108
- Các chi phí bằng tiền khác	2.570.955.206	2.192.371.106
Cộng	21.285.792.585	19.497.152.923

7 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

7.1 Tiền lương và tiền thưởng của Ban Tổng Giám đốc và các thành viên chủ chốt (*) của Công ty

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Tiền lương	1.726.200.000	914.800.000
- Tiền thưởng	214.000.000	236.600.000
Cộng	1.940.200.000	1.151.400.000

(*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát.

7.2 Các nghiệp vụ phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tỷ lệ góp vốn
Tổng Công Bến Thành TNHH MTV	Cổ đông lớn	47,11%
Công ty Cổ phần Xe máy Bến Thành	Công ty liên kết	48,00%
Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành	Công ty liên kết	50,00%
Công ty Cổ phần Bến Thành Nam Á	Công ty liên kết	30,00%

7.2.1 Các nghiệp vụ phát sinh trong năm

7.2.1.1 Tổng Công ty Bến Thành (Cổ đông lớn)

	Năm nay	Năm trước
- Tiền thuê mặt bằng hợp tác kinh doanh	2.595.000.000	2.640.000.000
- Trả tiền thuê mặt bằng hợp tác kinh doanh	2.595.000.000	2.600.000.000
- Doanh thu cho thuê mặt bằng kho	982.979.586	189.022.102
- Thu tiền cho thuê mặt bằng trong năm	877.033.347	125.200.134

7.2.1.2 Công ty Cổ phần Xe máy Bến Thành (Công ty liên kết)

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu cho thuê mặt bằng, thuê kho	882.780.000	792.000.000
- Thu tiền cho thuê mặt bằng, thuê kho	1.011.758.000	594.000.000
- Doanh thu bảo trì thiết bị máy tính	18.292.708	16.930.000
- Thu tiền bảo trì thiết bị máy tính	18.909.980	16.930.000
- Tiền cho vay	12.250.000.000	8.150.000.000
- Thu tiền cho vay	10.900.000.000	5.050.000.000
- Tiền lãi cho vay	329.224.842	189.650.119
- Thu tiền lãi cho vay	361.300.701	143.906.571

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 45/4 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

7.2.1.3 Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành (Công ty liên kết)	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu cho thuê mặt bằng	60.000.000	240.000.000
- Thu tiền cho thuê mặt bằng	60.000.000	240.000.000
- Doanh thu bảo trì thiết bị máy tính	76.785.888	34.131.566
- Thu tiền bảo trì thiết bị máy tính	76.375.889	19.601.975

7.2.1.4 Công ty Cổ phần Bến Thành Nam Á (Công ty liên kết)	Năm nay	Năm trước
- Góp vốn trong năm	1.350.000.000	-
- Cho vay trong năm	240.000.000	-
- Tiền lãi vay trong năm	4.896.000	-
- Thu tiền lãi vay trong năm	3.036.000	-

7.2.2 Số dư cuối kỳ với các bên liên quan**7.2.1 Phải thu khách hàng**

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Tổng Công ty Bến Thành TNHH MTV	169.768.207	63.821.968
- Công ty Cổ phần Xe Máy Bến Thành	73.089.996	198.414.998
- Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành	2.574.994	2.164.995

7.2.2 Phải thu tiền vay

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Công ty Cổ phần Xe Máy Bến Thành	4.450.000.000	3.100.000.000
- Công ty Cổ phần Bến Thành Nam Á	240.000.000	-

7.2.3 Phải thu khác

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Tổng Công ty Bến Thành TNHH MTV	8.971.043	-
- Công ty Cổ phần Xe Máy Bến Thành	37.583.226	45.743.548
- Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành	120.634.267	-
- Công ty Cổ phần Bến Thành Nam Á	1.860.000	-

7.2.4 Phải trả khác

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Tổng Công ty Bến Thành TNHH MTV	660.000.000	660.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 45/4 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

8 THÔNG TIN KHÁC**8.1 Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.255.501.889	9.689.513.489	7.255.501.889	9.689.513.489
Đầu tư tài chính	12.121.041.847	10.470.750.000	12.121.041.847	10.470.750.000
Phải thu khách hàng	1.796.895.135	989.175.339	1.796.895.135	989.175.339
Trả trước người bán	33.000.000	53.500.000	33.000.000	53.500.000
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(690.310.026)	(555.854.229)	(690.310.026)	(555.854.229)
Phải thu khác	2.541.145.565	970.517.888	2.541.145.565	970.517.888
Tài sản khác	872.260.107	1.252.385.597	872.260.107	1.252.385.597
Cộng	23.929.534.517	22.869.988.084	23.929.534.517	22.869.988.084

Nợ phải trả tài chính

Vay và nợ	36.173.651	180.868.199	36.173.651	180.868.199
Phải trả cho người bán	-	-	-	-
Người mua trả trước	-	29.712.100	-	29.712.100
Các khoản phải trả khác	965.498.802	1.105.153.137	965.498.802	1.105.153.137
Phải trả dài hạn khác	3.228.524.600	2.990.134.075	3.228.524.600	2.990.134.075
Cộng	4.230.197.053	4.305.867.511	4.230.197.053	4.305.867.511

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

8.2 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các yếu tố của rủi ro tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính:

- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản
- Rủi ro thị trường

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, giám sát rủi

ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

8.2.1 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

8.2.2 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	36.173.651	-	-	36.173.651
Phải trả cho người bán	-	-	-	-
Người mua trả tiền trước	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	965.498.802	-	-	965.498.802
Phải trả dài hạn		3.228.524.600	-	3.228.524.600
Cộng	2.389.161.088	3.250.228.795	-	5.639.389.883

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 45/4 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số đầu năm				
Vay và nợ	159.164.004	21.704.195	-	180.868.199
Phải trả cho người bán	-	-	-	-
Người mua trả tiền trước	29.712.100	-	-	29.712.100
Các khoản phải trả khác	1.105.153.137	-	-	1.105.153.137
Phải trả dài hạn	-	2.990.134.075	-	2.990.134.075
Cộng	1.821.918.693	3.011.838.270	-	4.833.756.963

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

8.2.3 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

▪ Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán chủ yếu là VND.

▪ Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

8.3 Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chủ yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính như sau:

- Kinh doanh hàng hoá
- Kinh doanh dịch vụ
- Kinh doanh cho thuê bất động sản

	Kinh doanh hàng hoá	Kinh doanh dịch vụ	Kinh doanh cho thuê bất động sản	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng	509.935.433	26.133.235.137	2.964.434.908	29.607.605.478
Giá vốn hàng bán	382.504.180	14.451.189.907	102.935.130	14.936.629.217
Lãi gộp	127.431.253	11.682.045.230	2.861.499.778	14.670.976.261
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng	411.294.732	30.301.793.294	2.827.666.908	33.540.754.934
Giá vốn hàng bán	304.075.047	15.907.098.067	101.703.768	16.312.876.882
Lãi gộp	107.219.685	14.391.695.227	2.725.963.140	17.227.878.052

Khu vực địa lý
Phần lớn các sản phẩm của Công ty được tiêu thụ tại Việt Nam.

8.4 Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Công ty không có bất kỳ sự kiện nào khác xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo này.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2013.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


NGUYỄN THỊ THANH VÂN


VÕ THÚY HẠNH



LÊ HẢI ĐĂNG



2074TC / 13 / BCKT / AUD - VVALUES